

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tùng.

Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh C.

Nơi ở hiện nay: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2010 bà (Huỳnh Ngọc T) và ông Phan Văn M xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan

điểm sống. Gia đình hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Bà và ông Phan Văn M không còn sống chung từ tháng 7/2018 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm dành cho ông Phan Văn M không còn nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn ông Phan Văn M. Về con chung có hai người tên là Phan Mỹ Q (giới tính nữ), sinh ngày 25/02/2011 và Phan Mộc Q1 (giới tính nữ), sinh ngày 22/10/2012 hiện đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Phan Văn M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2020, bị đơn là ông Phan Văn M trình bày:

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thời gian không còn sống chung và mâu thuẫn đúng như bà Huỳnh Ngọc T đã khai. Nay bà Huỳnh Ngọc T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn. Về con chung có hai người tên là Phan Mỹ Q (giới tính nữ), sinh ngày 25/02/2011 và Phan Mộc Q1 (giới tính nữ), sinh ngày 22/10/2012 đúng như bà T trình bày. Ông đồng ý tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Ngọc T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phan Văn M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phan Văn M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phan Văn M.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Trâm cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Bà và ông Phan Văn M không còn sống chung từ tháng 7/2018 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm dành cho ông Mỹ không còn nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn ông Phan Văn M. Ông Mỹ xác định việc không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn cũng như thời gian không còn chung sống đúng như bà T đã khai. Ông đồng ý ly hôn. Do hôn nhân giữa Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M thống nhất xác định ông bà có hai người con chung tên là Phan Mỹ Q (giới tính nữ), sinh ngày 25/02/2011 và Phan Mộc Q1 (giới tính nữ), sinh ngày 22/10/2012 hiện đang do bà T nuôi dưỡng. Cả hai người thống nhất thỏa thuận tiếp tục giao cả hai người con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Phan Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai người con chung có ý kiến bằng văn bản là mong muốn được chung sống cùng với bà Trâm, do đó căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự thỏa thuận về người nuôi con và việc không cấp dưỡng nuôi con. Ông Phan Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Huỳnh Ngọc T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự tự nguyện của của các đương sự như sau: Giao cho bà Huỳnh Ngọc T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Phan Mỹ Q (giới tính nữ), sinh ngày 25/02/2011 và Phan Mộc Q1 (giới tính nữ), sinh ngày 22/10/2012 cho đến khi Phan Mỹ Q và Phan Mộc Q1 đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Ngọc T về việc không yêu cầu ông Phan Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xử lý.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc T và ông Phan Văn M thống nhất xác định không có nên không đặt ra xử lý.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh Ngọc T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019967 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyên thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước